

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 106/2024/DS-ST  
Ngày: 31-7-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH  
DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Điệp

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 342/2024/DS-ST ngày 25 tháng 04 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89A/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Triệu Thụy Nhất C, sinh năm 1985; địa chỉ: Số E, đường D, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị Minh C1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số F, đường T, Tổ A, Khu phố G, phường H, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2024, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Triệu Thụy Nhất C trình bày:

Năm 2015 bà Triệu Thụy Nhất C quen biết bà Đinh Thị Minh C1. Năm 2021 bà Đinh Thị Minh C1 nhiều lần mượn tiền của bà C tổng số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 06/7/2021, bà Đinh Thị Minh C1 mượn 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) hẹn thời hạn trả là ngày 06/8/2021, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng.

- Ngày 01/10/2021, bà C1 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 01/11/2021, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng.

- Ngày 22/10/2021, bà C1 mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thời hạn trả là ngày 22/11/2021, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1%/tháng.

03 lần mượn tiền nêu trên bà C đều giao tiền cho bà C1 bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 19031696995013 của bà C1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T) – Chi nhánh B.

- Ngày 09/11/2021, bà C1 mượn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) thời hạn trả là ngày 09/12/2021, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 1%/tháng. Bà C giao tiền cho bà C1 bằng tiền mặt tại nhà bà C. Hai bên không lập thành văn bản.

- Ngày 30/01/2023, bà C1 mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), thỏa thuận thời hạn trả là ngày 30/02/2023, lãi suất hai bên thỏa thuận 1%/tháng. Bà C giao tiền cho bà C1 bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 666889889 của bà C1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N (N1) – Chi nhánh B.

- Ngày 19/11/2021, bà Đinh Thị Minh C1 và con gái tên Võ Như Q sử dụng số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) bà C đã đặt cọc cho ông L khi ký hợp đồng cọc để mua căn nhà số F đường T, tổ A, khu phố G, phường H, T, Bình Dương. Vì lý do cá nhân bà C đã sang tên cho con gái bà C1 là Võ Như Q để ký lại hợp đồng đặt cọc mới với ông L nhưng bà C1 và con gái chưa trả lại số tiền đã đặt cọc cho bà C.

Tuy nhiên việc đòi lại số tiền đã đặt cọc liên quan đến nhiều người và là quan hệ pháp luật khác nên ngày 03/6/2024 bà C đã rút lại một phần yêu cầu này để tách ra thành một vụ kiện khác khi bà Chi thu t được đầy đủ các chứng cứ.

Đến thời hạn trả tiền, bà C nhiều lần liên lạc với bà C1 để yêu cầu trả nợ, nhưng bà C1 luôn hẹn lại thời gian trả, kéo dài thời gian trả nợ. Bà C đã thông báo cho bà Đinh Thị Minh C1 bằng văn bản yêu cầu trả lại tiền nhưng đến nay bà C1 không trả, bà C cũng không còn liên lạc được với bà C1 vì bà C1 chặn điện thoại liên lạc.

Tại phiên tòa bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C1 phải trả 700.000.000 đồng gồm: Số tiền 400.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà C1 ngày 06/7/2021; số tiền 200.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà C1 ngày 01/10/2021; số tiền 50.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của bà C1 ngày 22/10/2021 và 50.000.000 đồng chuyển và tài khoản của bà C1 ngày 30/01/2023.

Bà C rút lại một phần yêu cầu giải quyết đối với số tiền 200.000.000 đồng cho bà C1 mượn ngày 09/11/2021, giao tiền tại nhà bà C nhưng vì tin tưởng nên không lập thành văn bản và rút lại yêu cầu bà C1 phải trả tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày mượn tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Đinh Thị Minh C1 đã được Tòa án thông báo trên Đ - Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, B1, Ban biên tập Công thông tin điện tử

Tòa án và niêm yết công khai về thời gian có mặt tham gia làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng đặt cọc mua nhà, 200.000.000 đồng giao cho bị đơn ngày 09/11/2021 nhưng không lập thành văn bản và rút yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn giao nộp chứng cứ chứng minh bị đơn đã nhận số tiền vay 700.000.000 đồng, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên có căn cứ chấp nhận.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn: bà **Đinh Thị Minh C1**, cư trú tại **số nhà F, đường T, tổ A, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Tòa án đã triệu tập họp lệ bà **C1** theo địa chỉ nêu trên nhưng không giao nhận được văn bản tố tụng.

Theo biên bản xác minh ngày 22/5/2024, **Công an phường H, thành phố T** cung cấp thông tin: bà **Đinh Thị Minh C1** có đăng ký thường trú, nhưng hiện nay không sinh sống tại **số nhà F, đường T, tổ A, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương**.

Căn cứ Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã thông báo trên **Đ** - Cơ quan thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, **B1**, Ban biên tập Cổng thông tin điện tử Tòa án, thông báo cho bà **Đinh Thị Minh C1** tham gia tố tụng theo thời gian cụ thể: tham gia làm việc, ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn lần 1 lúc 8 giờ 00 phút ngày 24/6/2024, lần 2 lúc 09 giờ 00 phút ngày 28/6/2024; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 lúc 14 giờ 00 phút ngày 05/7/2024; tham gia phiên hòa giải lần 2 lúc 14 giờ 00 phút ngày 10/7/2024, tham gia phiên tòa lần 1 lúc 08 giờ 00 phút ngày 26/7/2024, tham gia phiên tòa lần 2 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 31/7/2024 nhưng bà **Đinh Thị Minh C1** vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt bà **Đinh Thị Minh C1**.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: ngày 03/6/2024 nguyên đơn rút một phần yêu cầu giải quyết đối với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đã đặt cọc ngày 19/11/2021 khi ký hợp đồng cọc để mua căn nhà số F đường T, tổ A, khu G, phường H, T, Bình Dương nhưng sau đó bà C1 và con gái tên Võ Như Q đã sử dụng để thanh toán tiền nhận chuyển nhượng căn nhà nêu trên. Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu giải quyết đối với số tiền 200.000.000 đồng giao cho bị đơn ngày 09/11/2021 nhưng không lập thành văn bản và rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi 1%/tháng từ ngày nhận tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc 700.000.000 đồng:

Mặc dù bà Triệu Thụy Nhất C cho bà Đinh Thị Minh C1 mượn tiền không lập thành văn bản nhưng bà C cung cấp được chứng cứ là 04 giấy báo nợ, 02 bản sao kê tài khoản tiền gửi của bà Triệu Thụy Nhất C để chứng minh bà C đã chuyển vào tài khoản số 19031696995013 của bà C1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T) và tài khoản số 666889889 của bà C1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N (N1) số tiền tương ứng với yêu cầu của bà C.

04 giấy báo nợ, 02 bản sao kê tài khoản có đóng dấu xác nhận của Ngân hàng Thương mại cổ phần N (N2), Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T) và được Ngân hàng xác nhận, cung cấp bản photo chứng minh nhân dân, giấy đăng ký thông tin kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản của bà Đinh Thị Minh C1.

Như vậy, bà Triệu Thụy Nhất C đã chứng minh được việc giao số tiền 700.000.000 đồng cho bà C1 nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bà C1 phải trả bà C số tiền 700.000.000 đồng, trong đó:

400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) chuyển từ tài khoản số 6501604935 tên tài khoản Triệu Thụy Nhất C tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ1 (B2) qua số tài khoản 19031696995013 của bà C1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T) ngày 06/7/2021;

200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) chuyển từ tài khoản số 6501604935 tên tài khoản Triệu Thụy Nhất C tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ1 (B2) qua số tài khoản 19031696995013 của bà C1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T) ngày 01/10/2021;

50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) chuyển từ tài khoản số 6501604935 tên tài khoản Triệu Thụy Nhất C tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ1 (B2) qua số tài khoản 19031696995013 của bà C1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (T) ngày 22/10/2021;

50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) chuyển từ tài khoản số 6501604935 tên tài khoản Triệu Thụy Nhất C tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ1 (B2)

qua số tài khoản 666889889 của bà **C1** tại **Ngân hàng Thương mại cổ phần N (N1)** ngày 30/01/2023.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà **Đinh Thị Minh C1** phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, khoản 2 Điều 180, 1 Điều 244, 228, 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280, 400, 401, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Triệu Thụy Nhất C** đối với bị đơn bà **Đinh Thị Minh C1** về số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) đặt cọc mua nhà đất ngày 19/11/2021; số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) cho mượn ngày 09/11/2021 và yêu cầu trả tiền lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Triệu Thụy Nhất C** với bị đơn bà **Đinh Thị Minh C1** về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà **Đinh Thị Minh C1** có nghĩa vụ trả bà **Triệu Thụy Nhất C** tổng số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả bà **Triệu Thụy Nhất C** 27.458.000 đồng (hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0002480 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Bà **Đinh Thị Minh C1** phải chịu 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: bà **Triệu Thụy Nhất C** phải chịu 4.177.000 đồng (bốn triệu một trăm mười bảy nghìn đồng)

theo bản kê chi phí tố tụng ngày 10/7/2024 của Tòa án. Bà Triệu Thụy Nhất C đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Lưu: Văn thư, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Lan Hương**